

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày: 14-01-2022

“V/v tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thị Hải Dương

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Bá Lưu; Ông Trần Hữu Sỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kiều Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:** Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20/8/2021 và ngày 14/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1486/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1945, địa chỉ: Thôn VT, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn VT1, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đỗ Hữu C, sinh năm 1947, địa chỉ: Số 26, đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1950, địa chỉ: Tổ dân phố 2 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bà Đỗ Thị Gi, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn VT3, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Hữu C: bà Dương Thị Thúy H, Luật sư Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Ngoài ra trong án sơ thẩm có những người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị S trình bày:* Bà có bố là ông Đỗ Hữu Th, sinh năm 1918 và mẹ là bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1920. Bố mẹ bà có 05 người con gồm bà và các em Đỗ Hữu C, sinh năm 1947, Đỗ Thị Th, sinh năm 1950, Đỗ Thị Gi, sinh năm 1957 và Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1963. Năm 1980, bà Th chết và năm 1999 ông Th chết. Bà Th và ông Th chết đều không để lại di chúc. Bố mẹ bà để lại 01 thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10, có diện tích 921m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 05/10/1991, địa chỉ thửa đất tại xã V, huyện Q, mang tên Đỗ Hữu Th. Hiện tại bà Đỗ Thị Ngọc T đang sinh sống trên thửa đất này. Đối với giấy đề nghị ủy quyền thừa kế đất và nhà ở ngày 03/12/2006 các anh chị em thống nhất giao lại cho ông C, bà Liêu để tạo điều kiện thuận lợi cho ông C, bà L chuyển đổi thừa kế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay ngân hàng tu bổ sửa chữa nhà bố mẹ, nhưng ông C, bà L đã không thực hiện như trong thỏa thuận. Vì vậy, các anh chị em không chấp nhận giấy đề nghị ủy quyền thừa kế đó và khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là thửa đất của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T trình bày:* Thừa nhận nội dung về mối quan hệ gia đình, di sản thừa kế nguyên đơn trình bày là đúng. Bà là người ở cùng bố mẹ từ nhỏ cho đến khi bố mẹ mất thì tiếp tục ở trên thửa đất nói trên cho đến nay. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 35m<sup>2</sup>, 01 mái che lợp tôn diện tích 11,22m<sup>2</sup> và hàng rào dài 14m là tài sản bà T tự tạo lập khi ở chung với bố mẹ. Bà S làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là thửa đất của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật bà hoàn toàn đồng ý. Bà có nguyện vọng nhận phần đất bà đang sử dụng. Đối với giấy đề nghị ủy quyền thừa kế đất và nhà ở ngày 03/12/2006, các anh chị em thống nhất giao lại cho ông C, bà Liêu để tạo điều kiện thuận lợi cho ông bà chuyển đổi thừa kế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay ngân hàng tu bổ sửa chữa nhà bố mẹ nhưng ông C, bà Liêu đã không thực hiện như trong thỏa thuận. Vì vậy, các anh chị em không chấp nhận giấy đề nghị ủy quyền thừa kế đó.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Đỗ Hữu C trình bày:* Cũng thừa nhận mối quan hệ anh chị em và tài sản bố mẹ để lại như bà S trình bày là đúng. Ngày 03/12/2006, ông đã họp gia đình và đã ký Cam kết giao đất và nhà cho vợ chồng ông để chuyển đổi chủ quyền và vay tiền ngân hàng sửa chữa nhà vì ngôi nhà đã xuống cấp và được vợ chồng các hộ gia đình ký, sau đó được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận, văn bản đó mỗi chị em giữ một bản. Hiện nay bà S khởi kiện để chia cho bà T 01 lô đất ông không nhất trí. Nếu san bằng mặt bằng chia 05 lô bất thăm thì ông sẽ ký vào văn bản để chia thừa kế.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị Th, bà Đỗ Thị Gi trình bày:* Nhất trí nội dung như bà S và bà T trình bày. Sau khi chia thừa kế, bà Gi nhượng lại phần đất của mình cho bà T được hưởng. Đối với giấy đề nghị ủy quyền thừa kế đất và nhà ở ngày 03/12/2006 các anh chị em thống nhất giao lại cho ông C, bà L để tạo điều kiện thuận lợi cho ông bà chuyển đổi thừa kế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay ngân hàng tu bổ sửa chữa nhà bố mẹ

nhưng ông C, bà L đã không thực hiện như trong thỏa thuận nên hai bà cũng không chấp nhận giấy đề nghị ủy quyền thừa kế đó và đề nghị chia di sản theo pháp luật.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án huyện Quảng Ninh đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá các tài sản là di sản thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh thừa kế;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Án lệ số 05/2016/AL;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ giải thửa), có diện tích 921m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 05/10/1991, nay là thửa đất số 244 tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính), có diện tích 967,8m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã V, huyện Q mang tên ông Đỗ Hữu Th, trong đó có 46,8m<sup>2</sup> đất tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự được hưởng liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục đăng ký biến động theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Đỗ Thị Gi với bà Đỗ Thị Ngọc T về việc bà Đỗ Thị Gi nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Ngọc T.

3. Phân chia di sản thừa kế cho các đương sự:

Chia cho bà Đỗ Thị Ngọc T được sở hữu diện tích đất 387,6m<sup>2</sup> (trong đó gồm 80 m<sup>2</sup> đất ở và 207,6m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác và có 18,72m<sup>2</sup> phải đến C quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 16.989.400 đ (Mười sáu triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm đồng), có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp với đường giao thông từ điểm 2 đến điểm 4 có kích thước 12 mét; Phía Tây giáp với thửa đất 206 từ điểm 12 đến điểm 13 và điểm 1 có kích thước 7,32 mét; Phía Nam giáp với thửa đất 244(3) từ điểm 12 đến điểm 4 có kích thước 37,97 mét; Phía Bắc giáp với thửa đất 204 từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 38,04 mét.(Có sơ đồ tách thửa kèm theo).

\* Chia cho Ông Đỗ Hữu C được sở hữu diện tích đất 193,2m<sup>2</sup> (trong đó gồm 40 m<sup>2</sup> đất ở và 153,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác và có 9,36m<sup>2</sup> phải đến C quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 10.055.600 đ (Mười triệu,

không trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm đồng), có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp với đường giao thông từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 6 mét. Phía Tây giáp với thửa đất 206 từ điểm 11 đến điểm 12 có kích thước 4,20 mét; Phía Nam giáp với thửa đất 244(4) từ điểm 11 đến điểm 5 có kích thước 38,07 mét; Phía Bắc giáp với thửa đất 244(2) từ điểm 12 đến điểm 4 có kích thước 37,97 mét. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo).

\* Chia cho Bà Đỗ Thị S được sở hữu diện tích đất 193,1m<sup>2</sup> (trong đó gồm 40 m<sup>2</sup> đất ở và 153,1m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác và có 9,36m<sup>2</sup> phải đền C quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 10.052.300đ (Mười triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm đồng), có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp với đường giao thông từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 6 mét; Phía Tây giáp với thửa đất 206 từ điểm 10 đến điểm 11 có kích thước 4,20 mét; Phía Nam giáp với thửa đất 244(5) từ điểm 10 đến điểm 6 có kích thước 38,25 mét; Phía Bắc giáp với thửa đất 244(3) từ điểm 11 đến điểm 5 có kích thước 38,07 mét. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo)

\* Chia cho Bà Đỗ Thị Th được sở hữu diện tích đất 193,7m<sup>2</sup> (trong đó gồm 40 m<sup>2</sup> đất ở và 153,7m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác và có 9,36m<sup>2</sup> phải đền C quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 10.072.100đ (Mười triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm đồng), có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp với đường giao thông từ điểm 6 đến điểm 7 có kích thước 6 mét; Phía Tây giáp với thửa đất 206 từ điểm 9 đến điểm 10 có kích thước 4,07 mét; Phía Nam giáp với thửa đất 243 và từ điểm 9 đến điểm 8 có kích thước 12,69 mét và giáp với thửa đất 245 và từ điểm 8 đến điểm 7 có kích thước 20,08 mét; Phía Bắc giáp với thửa đất 244(4) từ điểm 10 đến điểm 6 có kích thước 38,25 mét. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo) .

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

\* Ngày 05 tháng 6 năm 2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu C có đơn kháng cáo nội dung: Bố mẹ ông có 05 người con nhưng chỉ có ông là con trai duy nhất, phải thờ cúng bố mẹ, sau khi họp gia đình ngày 03/12/2006 ông vì ốm đau, bệnh tật nên chưa làm thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006 em ông là bà Đỗ Thị Ngọc T đến bàn bạc với ông xin về nhà bố mẹ ở tạm vì hoàn cảnh chưa làm được nhà riêng, ông đã đồng ý cho gia đình bà Đỗ Thị Ngọc T ở tạm ngoài nhà bếp. Như vậy ông được xác định là người có trách nhiệm quản lý, sử dụng, tại biên bản họp gia đình đã thỏa thuận ông có quyền thừa kế toàn bộ diện tích đất và ngôi nhà thờ là hoàn toàn phù hợp với tập quán của người Việt Nam. Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và chia 05 kỷ phần tài sản của ông là hoàn toàn trái pháp luật. Việc Tòa án sơ thẩm xác định bà Đỗ Thị Ngọc T là bị đơn là không đúng vì bà T chỉ là người ở tạm. Vì vậy, ông kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xét giải quyết lại, bác đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

Ngày 20/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Hữu C đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thẩm định, định giá lại di sản thừa kế vì có một số tài sản chưa được cấp sơ thẩm chưa thẩm định đầy đủ.

Theo biên bản thẩm định ngày 08/10/2021, ngoài những tài sản được thẩm định ngày 18/01/2019 gồm đất nhà bếp, nhà chính đã bị tháo dỡ mái, tường rào phía trước), Hội đồng thẩm định xác định còn có các tài sản sau (được Hội đồng định giá định giá theo quy định):

- + Một giếng thả bi đường kính nhỏ hơn một mét, sâu năm mét, giá: 8.455.000 đồng;

- + Bốn cột trụ trước thềm của nhà chính cấp bốn, kích thước mỗi cột cao 3,22 mét, đường kính 0,25 mét, có giá mỗi cột 1.082.000 đồng x 4 cột = 4.328.000 đồng;

- + Một nhà vệ sinh thô sơ phía sau vườn, kích thước 1,5 mét x 1,15 mét = 2,25 m<sup>2</sup>, có giá 2.182.000 đồng;

- + Phần cửa, khung ngoại còn dính trên phần tường của nhà chính gồm:

- 1/ Một khung ngoại cửa chính kích thước cao 2,22 mét x rộng 1,27 mét

- 2/ Hai cánh cửa gỗ (đã cũ) kích thước rộng 0,6 m x cao 2,17 m;

- 3/ Một khung ngoại cửa sổ phía trước kích thước: 1,81m x 1,48 m cộng phần S sắt kích thước 1,69 m x 0,36m;

- 4/ Cửa sổ gỗ bốn cánh, mỗi cánh có kích thước rộng 0,43 x cao 1,38 m;

- 5/ Một khung ngoại cửa chính cao 1,22m x rộng 1,29 m;

- 6/ Hai cửa gỗ mỗi cánh kích thước rộng 0,6 mét x 2,17 m;

- 7/ Một khung ngoại cửa sổ phía tường sau kích thước rộng 0,91 m x 1,34 m, hai cánh cửa sổ gỗ đã mục kích thước 0,45m x 1,27 m;

- + Một kho tạm phía trước thềm lợp tôn, xung quanh che chắn tôn, kích thước phía Tây 10,12 m, phía Đông 10,12 m<sup>2</sup>, phía trước 17,25m<sup>2</sup> và phần mái 27m<sup>2</sup>;

- + Cửa cổng bằng sắt kích thước cao 1,6 mét x rộng 2,55 m;

Phần cửa, khung ngoại, cổng sắt, kho tạm bằng tôn các đương sự không yêu cầu định giá.

- + Cây cối trên đất gồm các loại, số lượng, giá như sau:

- Chuối 53 cây, trong đó có một cây đã có buồng, tổng trị giá 1.321.000 đồng;

- Đủ đủ: 01 cây, giá 106.300 đồng;

- Khế: 2 cây, đã ra quả, tổng giá: 422.400 đồng;

- Chanh: 01 cây đã ra quả, giá 364.000 đồng;

- Chè tàu (mần hảo) ba bụi, tổng giá 186.000 đồng;

- Nhãn 01 cây đã có quả giá 755.000 đồng

- Vải 01 cây đã ra hoa, giá 755.000 đồng;

- Táo: 01 cây đã ra quả giá 211.200 đồng;

- Mãng cầu: 10 cây đã có quả, tổng giá 3.130.000 đồng;

- Đu đủ 01 cây, giá 106.300 đồng;

- Bông 01 cây, giá 661.200 đồng. Tổng trị giá cây trên đất 7.938.900 đồng.

Tại phiên tòa ngày 14/01/2022, người kháng cáo thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện chia di sản là đất cho ông C nhận 3/5 diện tích đất phần có nhà bếp, nhà chính để ông xây nhà thờ thờ tự bố mẹ, ông có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế khác; Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác yêu cầu ông C nhận 1/2 diện tích đất và phải cam kết xây nhà thờ, không được bán và các chị em trong gia đình đều có quyền đến thờ cúng bố mẹ tại nhà thờ tự như trước đây, đề nghị Tòa án giữ nguyên án sơ thẩm, sau này ông C có thỏa thuận, chị em trong gia đình sẽ lập hợp đồng tặng cho có điều kiện đối với ông C. Phần cửa sổ, cửa chính, khung ngoại đã được thẩm định, bà S, bà T, bà Thu, bà Giai đều trình bày ông C muốn sử dụng thì ông C có quyền tháo dỡ. Các cây cối trong vườn, các đồng thừa kế đều thống nhất ai được hưởng phần đất nào thì được hưởng số cây tương ứng trên đất, không yêu cầu Tòa xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giao cho ông C 2/5 diện tích đất thừa kế theo đề nghị của ông C tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo kháng cáo của ông C thì bà T không phải là bị đơn vì bà T chỉ là người ở tạm trên đất, ông mới là người bị kiện vì anh em đã giao tài sản trên đất cho ông thừa kế, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù anh chị em có viết giấy ủy quyền cho ông C thừa kế đất, nhà là tài sản của bố mẹ để lại nhưng chưa phát sinh hiệu lực vì chưa được đăng ký tại C quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể chưa làm thủ tục để đăng ký biến động đất nên về mặt pháp lý ông C chưa phải là người chủ sử dụng hợp pháp thửa đất đang tranh chấp; Bà T đang là người chiếm hữu những tài sản là di sản thừa kế. Vì vậy bà S khởi kiện bà T để chia di sản thừa kế do bố mẹ các bà để lại và Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T là bị đơn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đỗ Hữu C cho rằng, ông C là người có quyền thừa kế toàn bộ di sản do bố mẹ để lại theo biên bản họp gia đình ngày 03/12/2006, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 03/12/2006, bà S, ông C và những người khác trong gia đình ông Đỗ Hữu Th có văn bản thỏa thuận ủy quyền cho ông Đỗ Hữu C đứng tên thừa kế để vay tiền sửa chữa lại nhà của bố mẹ các ông bà để lại. Từ nội dung của giấy viết tay cho thấy, thứ nhất, ông C và những chị em của ông mặc nhiên thừa nhận di sản thừa đất của bố mẹ các ông

bà để lại là tài sản chung của chị em trong gia đình, cho ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th, không có việc ông C là con trai duy nhất được đương nhiên hưởng di sản của bố mẹ như nội dung kháng cáo nêu. Thứ hai, giấy ủy quyền có nội dung như một hợp đồng tặng cho có điều kiện (tức là cho ông C đứng tên nhưng với điều kiện là để vay tiền sửa chữa nhà bố mẹ). Từ năm 2006 đến nay, ông C không thực hiện việc sửa chữa nhà như đã thỏa thuận, ngôi nhà xuống cấp nghiêm trọng; Ông C còn tháo mái phần nhà chính, bàn thờ bố mẹ các ông bà phải đặt tạm ở phần kho tạm ở mái hiên và ông C khóa lại, không cho các chị em trong nhà tiếp cận. Theo ông C đã trình bày do bản thân ông C ốm đau, bệnh tật chưa thực hiện được việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sửa chữa nhà bố mẹ nhưng đây không phải là những điều kiện được các bên thỏa thuận để không thực hiện những nội dung đã thỏa thuận (Khoản 6 Điều 402, Điều 462 Bộ luật Dân sự). Thứ ba, đối với các giao dịch có liên quan đến quyền sử dụng đất chỉ có hiệu lực khi được đăng ký giao dịch đảm bảo. Những thỏa thuận của ông C và chị em trong gia đình chưa thực hiện sang tên, chưa được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, vì vậy thỏa thuận chưa phát sinh hiệu lực.

Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, phía người kháng cáo có yêu cầu xem xét thẩm định thêm các tài sản khác gồm cây cối có trên đất và một số cửa chính, cửa sổ, S cửa, khung ngoại (đã được liệt kê ở phần nội dung): về cây cối, các đương sự thỏa thuận cây thuộc phần đất của ai được hưởng thì đương nhiên được hưởng số cây đó; Về phần cửa, khung ngoại...bà S, bà Thu, bà Giai, bà T đều không có nhu cầu sở hữu, sử dụng, của ông C thì ông tự tháo dỡ. Vì vậy, phần tài sản được thẩm định bổ sung Tòa không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy ông C kháng cáo cho rằng ông là người được hưởng toàn bộ di sản của bố mẹ các ông bà để lại theo giấy thỏa thuận ngày 03/12/2006 là không có căn cứ. Án sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế và các điều kiện liên quan để chia thừa kế là đúng pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[3]. Về án phí và chi phí thẩm định: Chi phí thẩm định 4.000.000 đồng. Ông C tạm nộp 5.000.000 đồng. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu chi phí thẩm định 4.000.000 đồng. Trả tại phiên tòa cho ông C 1.000.000 đồng. Kháng cáo của ông Đỗ Hữu C không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông C thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh thừa kế; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Án lệ số 05/2016/AL; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Hữu C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Đỗ Hữu C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Đỗ Hữu C 300.000 đồng ông đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002454 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Từ Thị Hải Dương**